

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 tháng 3 năm 2021.

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tổng Như Hải và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Ngọc T** - Sinh năm 1989

Nơi cư trú: Khu 1, xã Sơn C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Lê Thị H** - Sinh năm 1990

Nơi đăng ký thường trú: Khu 1, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Xóm A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh T và chị H đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Anh Trịnh Ngọc T vắng tại phiên tòa, nhưng theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh T trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 13/6/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ đẻ anh tại xã S, huyện T, vợ chồng chung sống được khoảng 03 năm thì chị H đi làm và từ đó không còn quan tâm trách nhiệm đến gia đình, nhiều năm không về thăm gia đình chồng con mặc dù anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ nhiều năm, tình cảm vợ chồng đến nay không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị H có với nhau 01 con chung là Trịnh Thị Mai N; sinh ngày 14/9/2011, con chung bị khuyết tật không có khả năng nói, hiện đang hưởng trợ cấp xã hội. Kể từ trước cho đến nay con chung vẫn do anh

T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở cùng anh T tại xã S, huyện T. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Trịnh Ngọc T xác nhận anh và chị Lê Thị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là chị Lê Thị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quan điểm như sau: Chị H xác nhận về quan hệ hôn nhân với anh Trịnh Ngọc T và cũng xác định tình cảm với anh T không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Ngọc T.

- Về con chung: Chị Lê Thị H xác nhận chị và anh Trịnh Ngọc T có 01 con chung là Trịnh Thị Mai N; sinh ngày 14/9/2011 hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị H đồng ý để cho anh T được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Lê Thị H xác nhận chị và anh Trịnh Ngọc T không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị H đề nghị vắng mặt không tham gia hòa giải nên Tòa án không thể thực hiện thủ tục hòa giải vụ án theo quy định. Các đương sự cũng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống chung được một thời gian vì những bất đồng trong cuộc sống, không cùng chung quan điểm nên đã nhiều năm nay vợ chồng không còn sống chung làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy, có căn cứ để khẳng định anh T, chị H không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của anh T và chị H không trái pháp luật nên nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị H có 01 con chung như đã trình bày ở trên. Từ trước cho đến nay con chung vẫn do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ở cùng anh T tại xã S, huyện T. Anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, còn về phía chị H cũng đồng ý để cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào lời trình bày và yêu cầu của các bên, xét hoàn cảnh thực tế thì con chung đã nhiều năm vẫn do anh Tuấn chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, mọi quyền lợi đều được đảm bảo. Vì vậy, để cho con chung có được

sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên sau khi ly hôn giao cho anh Tuấn được tiếp tục nuôi dưỡng con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù con chung là trẻ khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng nhưng do anh Tuấn tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không buộc chị Hồng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị H xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trịnh Ngọc T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị H được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn: Giao cho anh Trịnh Ngọc T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trịnh Thị Mai N; sinh ngày 14/9/2011 (là trẻ khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và hiện đang ở với anh T tại khu 1, xã S, huyện T). Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có không giải quyết.

- Về án phí: Anh Trịnh Ngọc T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0001572 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã S, h. T;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Lệ Thanh